

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Siêu Thanh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 35

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bảo trì thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, quản lý các khoản đầu tư vào công ty con và kinh doanh bất động sản đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Thủy	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cái Kim Thoa	Trưởng ban
Ông Nguyễn Lê Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Vĩnh Phú	Tổng Giám đốc
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yung Cam Meng.

Ông Phạm Vĩnh Phú được Ông Yung Cam Meng ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Thư ủy quyền số 88/UQ-ST8 ngày 31 tháng 12 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Vĩnh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61194318/22990873-LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chinh Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1891-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		613.405.459.909	377.169.854.547
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	243.903.076.828	77.694.953.913
111	1. Tiền		7.049.468.611	15.165.009.771
112	2. Các khoản tương đương tiền		236.853.608.217	62.529.944.142
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		6.236.685.227	8.364.801.045
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	6.236.685.227	8.364.801.045
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		336.667.600.139	125.327.821.516
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	7	287.952.819.841	102.630.927.914
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.063.677.000	2.903.482.608
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	45.714.000.000	14.913.921.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.937.103.298	4.879.489.994
140	IV. Hàng tồn kho	10	21.641.597.469	159.309.418.036
141	1. Hàng tồn kho		21.692.320.587	159.584.367.692
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(50.723.118)	(274.949.656)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.956.500.246	6.472.860.037
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	4.733.529.990	649.743.909
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	170.729.159	5.131.477.719
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	52.241.097	691.638.409
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.700.453.811	95.822.018.148
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.622.125.000	6.232.835.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	10.622.125.000	6.232.835.000
220	II. Tài sản cố định		5.814.667.346	22.684.733.963
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	5.814.667.346	22.684.733.963
222	Nguyên giá		16.093.342.521	72.412.506.001
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.278.675.175)	(49.727.772.038)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		360.797.487	360.797.487
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(360.797.487)	(360.797.487)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	-	53.066.295.605
231	1. Nguyên giá		-	77.469.580.978
232	2. Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế		-	(24.403.285.373)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	145.418.182
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	145.418.182
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	4.500.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14	-	4.500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		263.661.465	9.192.735.398
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	263.661.465	9.192.735.398
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		630.105.913.720	472.991.872.695

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		112.363.571.461	146.089.706.797
310	I. Nợ ngắn hạn		107.729.800.461	140.949.377.189
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.580.035.752	40.695.481.082
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	3.012.580.565	4.865.576.348
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	60.773.332.477	6.831.423.980
314	4. Phải trả người lao động		1.291.978.222	10.863.234.354
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	351.887.388	6.842.761.647
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		101.370.951	695.927.119
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.462.837.390	6.033.724.951
320	8. Vay ngắn hạn	20	34.491.384.993	60.456.854.985
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
330	II. Nợ dài hạn		4.633.771.000	5.140.329.608
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	4.633.771.000	4.633.771.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	-	506.558.608
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		517.742.342.259	326.902.165.898
410	I. Vốn chủ sở hữu		517.742.342.259	326.902.165.898
411	1. Vốn cổ phần	21.1	257.209.020.000	257.209.020.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		257.209.020.000	257.209.020.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	228.155.674.850	24.175.537.934
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		24.175.537.934	8.854.481.932
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		203.980.136.916	15.321.056.002
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.5	32.377.647.409	45.517.607.964
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		630.105.913.720	472.991.872.695


Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



Phạm Vĩnh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	905.965.534.196	410.102.189.710
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	1.626.220.769	4.658.709.785
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	904.339.313.427	405.443.479.925
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	574.135.653.789	332.626.036.256
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		330.203.659.638	72.817.443.669
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	10.055.103.948	2.688.590.540
22	7. Chi phí tài chính		2.666.338.980	499.054.264
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.148.566.874	499.054.264
25	8. Chi phí bán hàng	24	49.139.629.386	41.953.935.973
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30.895.724.754	25.896.737.333
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		257.557.070.466	7.156.306.639
31	11. Thu nhập khác	26	2.324.304.886	882.863.059
32	12. Chi phí khác	26	67.934.871	33.387.568
40	13. Lợi nhuận khác	26	2.256.370.015	849.475.491
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		259.813.440.481	8.005.782.130
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	53.447.983.501	1.642.922.477
52	16. (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.1	(506.558.608)	82.682.395
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		206.872.015.588	6.280.177.258
61	18. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		203.980.136.916	6.203.781.841
62	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.5	2.891.878.672	76.395.417
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.4	7.931	241
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.4	7.931	241


Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN
SIÊU THANH
QUẬN 7 - T.P. HỒ CHÍ MINH
Phạm Vĩnh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		259.813.440.481	8.005.782.130
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	7.024.466.852	7.225.856.733
03	Hoàn nhập dự phòng		(224.226.538)	(80.160.967)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(248.470.392.330)	(2.670.975.618)
06	Chi phí lãi vay		1.148.566.874	499.054.264
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.291.855.339	12.979.556.542
09	Giảm các khoản phải thu		7.048.060.219	89.281.577.375
10	Giảm hàng tồn kho		60.517.894.356	911.415.759
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.620.663.227	(92.837.701.035)
12	Tăng chi phí trả trước		(6.682.464.577)	(497.236.273)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.224.700.167)	(544.601.364)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(3.626.539.739)	(2.115.774.905)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		77.944.768.658	7.177.236.099
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(4.708.712.176)	(8.295.608.115)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		32.209.094.330	-
23	Tiền chi cho vay		(30.800.079.000)	(33.288.023.106)
24	Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn		2.005.782.178	545.825.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		113.999.657.198	-
27	Cổ tức và lãi tiền gửi được nhận		2.294.548.459	2.059.649.962
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		115.000.290.989	(38.978.156.259)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền góp vốn từ cổ đông không kiểm soát		-	3.080.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		290.463.043.447	
34	Tiền trả nợ gốc vay		(316.428.513.439)	(40.981.815.003)
36	Cổ tức đã trả		(771.466.740)	(893.762.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(26.736.936.732)	(38.795.577.503)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		166.208.122.915	(70.596.497.663)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		77.694.953.913	139.205.367.924
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	243.903.076.828	68.608.870.261



Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập



Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



Phạm Vĩnh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty

Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện và thiết bị chữa cháy.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 124 (31 tháng 12 năm 2021: 554).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có một (1) công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết (%)	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh	Thành phố Hồ Chí Minh (“TP.HCM”)	Mua bán xe ô tô	55,06	55,06
Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh	TP.HCM	Mua bán thiết bị văn phòng	-	90,00
Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn	TP.HCM	Kinh doanh và lắp đặt máy điều hòa không khí	-	70,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng hóa – Ô tô nguyên chiếc - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng hóa – Thiết bị văn phòng - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Các tài sản khác	3 - 6 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán là chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh (“TBVP Siêu Thanh”)

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại TBVP Siêu Thanh cho một bên thứ ba với giá chuyển nhượng 112.266.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông số 26/NQ-ĐHĐCĐ/ST8 ngày 28 tháng 4 năm 2022 (“Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ/ST8”) và Quyết định của Hội Đồng Quản trị số 40/QĐ-HĐQT/ST8 ngày 27 tháng 6 năm 2022.

4.2 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn (“Nam Thanh”)

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại Nam Thanh cho một bên thứ ba với giá chuyển nhượng 7.000.000.000 VND theo Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ/ST8 và Quyết định của Hội Đồng Quản trị số 25/QĐ-HĐQT/ST8 ngày 2 tháng 6 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	5.383.114	242.387.792
Tiền gửi ngân hàng	7.044.085.497	14.922.621.979
Các khoản tương đương tiền (*)	236.853.608.217	62.529.944.142
TỔNG CỘNG	243.903.076.828	77.694.953.913

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3%/năm đến 4%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,5%/năm đến 6,4%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ông Võ Tấn Thịnh	269.910.000.000	-
Công ty Cổ phần Thành phố Du lịch Sinh thái Sơn Tiên	-	27.937.108.320
Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc (Đông Nam Á)	-	4.116.373.842
Khác	18.042.819.841	70.577.445.752
TỔNG CỘNG	287.952.819.841	102.630.927.914
Trong đó:		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	16.024.000	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)	19.000.000.000	-
Phải thu bên khác	26.714.000.000	14.913.921.000
- Công ty Cổ phần Ô tô Minh Thanh	15.754.000.000	1.995.000.000
- Ông Huỳnh Cao Minh	10.960.000.000	-
- Ông Nguyễn Thành Nhân	-	10.640.000.000
- Bên khác	-	2.278.921.000
TỔNG CỘNG	45.714.000.000	14.913.921.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	1.937.103.298	4.879.489.994
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	1.315.000.000	2.604.427.650
Tạm ứng cho nhân viên	249.819.636	1.370.000.000
Ký quỹ, ký cược	25.860.000	362.671.930
Khác	346.423.662	542.390.414
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	801.370	-
Dài hạn	10.622.125.000	6.232.835.000
Ký quỹ, ký cược	10.622.125.000	6.232.835.000
TỔNG CỘNG	<u>12.559.228.298</u>	<u>11.112.324.994</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Hàng hóa	21.692.320.587	159.330.490.913
Công cụ, dụng cụ	-	253.876.779
TỔNG CỘNG	21.692.320.587	159.584.367.692
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(50.723.118)	(274.949.656)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>21.641.597.469</u>	<u>159.309.418.036</u>

Chi tiết tình hình giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	274.949.656	290.398.693
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(224.226.538)	(80.160.967)
Số cuối kỳ	<u>50.723.118</u>	<u>210.237.726</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	4.733.529.990	649.743.909
Tiền thuê đất	4.545.454.545	-
Công cụ, dụng cụ đang dùng	44.286.667	37.405.381
Thuê văn phòng	-	301.784.667
Khác	143.788.778	310.553.861
Dài hạn	263.661.465	9.192.735.398
Tiền thuê đất	198.865.395	397.711.395
Công cụ, dụng cụ đang dùng	64.796.070	8.214.407.931
Khác	-	580.616.072
TỔNG CỘNG	<u>4.997.191.455</u>	<u>9.842.479.307</u>

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	231.137.720	59.229.762.222	10.506.538.100	627.582.285	1.817.485.674	72.412.506.001
Mua mới	-	514.727.272	4.339.403.086	-	-	4.854.130.358
Chuyển từ hàng tồn kho	-	9.999.409.381	-	-	-	9.999.409.381
Chuyển qua hàng tồn kho	-	(2.631.908.751)	-	-	-	(2.631.908.751)
Thanh lý	-	-	(4.180.836.183)	-	-	(4.180.836.183)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(60.400.945.733)	(3.959.012.552)	-	-	(64.359.958.285)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	231.137.720	6.711.044.391	6.706.092.451	627.582.285	1.817.485.674	16.093.342.521
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	231.137.720	6.043.044.390	-	627.582.285	1.817.485.674	8.719.250.069
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(231.137.720)	(42.981.829.471)	(4.069.736.888)	(627.582.285)	(1.817.485.674)	(49.727.772.038)
Khấu hao trong kỳ	-	(5.459.157.347)	(501.277.503)	-	-	(5.960.434.850)
Chuyển qua hàng tồn kho	-	2.438.116.955	-	-	-	2.438.116.955
Thanh lý	-	-	2.115.236.010	-	-	2.115.236.010
Giảm do thanh lý công ty con	-	39.401.827.559	1.454.351.189	-	-	40.856.178.748
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	(231.137.720)	(6.601.042.304)	(1.001.427.192)	(627.582.285)	(1.817.485.674)	(10.278.675.175)
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	16.247.932.751	6.436.801.212	-	-	22.684.733.963
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	110.002.087	5.704.665.259	-	-	5.814.667.346

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	Nhà cửa	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	27.782.120.978	49.687.460.000	77.469.580.978
Thanh lý (*)	(26.320.699.978)	(49.461.000.000)	(75.781.699.978)
Giảm do thanh lý công ty con	(1.461.421.000)	(226.460.000)	(1.687.881.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	-	-
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(13.650.925.373)	(10.752.360.000)	(24.403.285.373)
Khấu hao và hao mòn trong kỳ	(526.414.002)	(537.618.000)	(1.064.032.002)
Thanh lý (*)	12.715.918.375	11.289.978.000	24.005.896.375
Giảm do thanh lý công ty con	1.461.421.000	-	1.461.421.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	-	-
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	14.131.195.605	38.935.100.000	53.066.295.605
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	-	-

Các khoản doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 22.1.

(*) Căn cứ vào Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ/ST8, Hội đồng Quản trị đã thông qua Quyết định số 26/QĐ-HĐQT/ST8 ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc thanh lý các bất động sản đầu tư tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao dịch này được hoàn thành trong tháng 6 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	450.000	4.500.000.000

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Honda Việt Nam	1.311.213.788	-
Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	-	28.381.101.523
Công ty TNHH Ricoh Việt Nam	-	4.162.657.973
Khác	1.268.821.964	8.151.721.586
TỔNG CỘNG	2.580.035.752	40.695.481.082
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	26.532.000	-

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nguyễn Thành Chánh Trực	732.810.660	566.400.000
Công ty Cổ phần Quốc tế Thực phẩm Lựa Chọn Đỉnh	-	1.606.001.167
Thái Kim Sơn	-	960.000.000
Các bên khác	2.279.769.905	1.733.175.181
TỔNG CỘNG	3.012.580.565	4.865.576.348

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giảm do thanh lý công ty con	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Phải nộp					VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.114.598.396	53.062.538.555	(3.242.437.446)	-	51.934.699.505
Thuế giá trị gia tăng	3.586.498.882	61.161.587.616	(55.735.059.158)	(203.590.411)	8.809.436.929
Thuế thu nhập cá nhân	1.130.326.702	1.385.190.908	(2.486.321.567)	-	29.196.043
TỔNG CỘNG	6.831.423.980	115.609.317.079	(61.463.818.171)	(203.590.411)	60.773.332.477
Phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	691.638.409	384.102.293	(385.444.946)	(658.572.764)	31.722.992
Thuế giá trị gia tăng	5.131.477.719	38.586.186.733	(43.544.598.494)	(2.336.799)	170.729.159
Thuế thu nhập cá nhân	-	128.023.731	-	(107.505.626)	20.518.105
TỔNG CỘNG	5.823.116.128	39.098.312.757	(43.930.043.440)	(768.415.189)	222.970.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí hoa hồng bán hàng	92.740.000	5.245.108.024
Phí dịch vụ thuê ngoài	15.000.000	117.500.000
Chi phí khác	244.147.388	1.480.153.623
TỔNG CỘNG	351.887.388	6.842.761.647

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.462.837.390	6.033.724.951
Nhận ký quỹ, ký cược	30.000.000	3.785.619.157
Phải trả khác	1.432.837.390	2.248.105.794
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	4.633.771.000	4.633.771.000
TỔNG CỘNG	6.096.608.390	10.667.495.951

20. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	60.456.854.985	290.463.043.447	(316.428.513.439)	34.491.384.993

Chi tiết vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	34.018.444.993	Từ ngày 27 tháng 8 năm 2022 đến ngày 7 tháng 9 năm 2022	6,3	Tín chấp
Ngân hàng Chính sách Xã hội	472.940.000	Ngày 14 tháng 9 năm 2022	6,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	34.491.384.993			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	257.209.020.000	24.287.023.132	281.496.043.132
Lợi nhuận thuần trong kỳ	<u>-</u>	<u>6.203.781.841</u>	<u>6.203.781.841</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>257.209.020.000</u>	<u>30.490.804.973</u>	<u>287.699.824.973</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	257.209.020.000	24.175.537.934	281.384.557.934
Lợi nhuận thuần trong kỳ	<u>-</u>	<u>203.980.136.916</u>	<u>203.980.136.916</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>257.209.020.000</u>	<u>228.155.674.850</u>	<u>485.364.694.850</u>

21.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u>257.209.020.000</u>	<u>257.209.020.000</u>

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	25.720.902	25.720.902
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.720.902	25.720.902
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.720.902	25.720.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế của công ty mẹ (VND)	203.980.136.916	6.203.781.841
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	<u>25.720.902</u>	<u>25.720.902</u>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh	25.720.902	25.720.902
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	7.931	241
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	7.931	241

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

21.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	45.517.607.964	44.877.764.001
Lợi nhuận thuần trong kỳ	2.891.878.672	76.395.417
Phát hành cổ phiếu	-	3.080.000.000
Giảm do thanh lý công ty con	(16.031.839.227)	-
Cổ tức đã công bố	-	(894.000.000)
Số cuối kỳ	<u>32.377.647.409</u>	<u>47.140.159.418</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Tổng doanh thu	905.965.534.196	410.102.189.710
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	561.603.091.868	361.393.169.859
<i>Danh thu bán bất động sản đầu tư</i>	292.222.108.355	-
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	46.224.879.427	44.791.206.420
<i>Doanh thu hoạt động cho thuê</i>	5.915.454.546	3.917.813.431
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.626.220.769)	(4.658.709.785)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(1.587.100.240)	(3.444.580)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(32.727.273)	-
<i>Giảm trừ doanh thu</i>	(6.393.256)	(4.655.265.205)
DOANH THU THUẦN	<u>904.339.313.427</u>	<u>405.443.479.925</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	559.976.871.099	356.734.460.074
<i>Doanh thu thuần bán bất động sản đầu tư</i>	292.222.108.355	-
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	46.224.879.427	44.791.206.420
<i>Doanh thu thuần hoạt động cho thuê</i>	5.915.454.546	3.917.813.431

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	7.850.966.253	-
Lãi tiền gửi	1.957.736.529	2.671.455.343
Khác	246.401.166	17.135.197
TỔNG CỘNG	<u>10.055.103.948</u>	<u>2.688.590.540</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Giá vốn của hàng hóa đã bán	497.074.620.194	306.734.923.919
Giá vốn của bất động sản đầu tư đã bán	51.938.527.455	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	24.058.474.138	24.827.080.335
Giá vốn hoạt động cho thuê	1.064.032.002	1.064.032.002
TỔNG CỘNG	<u>574.135.653.789</u>	<u>332.626.036.256</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lương	36.713.511.096	36.490.446.870
Chi phí quảng cáo	6.862.964.132	2.689.502.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.326.208.823	1.743.699.432
Chi phí khấu hao	434.799.318	567.641.581
Khác	3.802.146.017	462.645.689
TỔNG CỘNG	<u>49.139.629.386</u>	<u>41.953.935.973</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lương	12.836.297.466	12.151.283.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.362.370.940	11.169.949.113
Khác	9.697.056.348	2.575.505.031
TỔNG CỘNG	<u>30.895.724.754</u>	<u>25.896.737.333</u>

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập khác	2.324.304.886	882.863.059
Tiền thưởng và hỗ trợ	1.647.000.000	882.863.059
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	388.945.282	-
Khác	288.359.604	-
Chi phí khác	<u>(67.934.871)</u>	<u>(33.387.568)</u>
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>2.256.370.015</u>	<u>849.475.491</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	520.191.729.043	322.271.373.741
Chi phí lương	52.563.835.313	51.714.797.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.066.890.774	15.089.303.737
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13)	7.024.466.852	7.225.856.733
Khác	13.385.558.492	4.175.377.920
TỔNG CỘNG	<u>602.232.480.474</u>	<u>400.476.709.562</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	53.447.983.501	1.728.367.344
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa trong những kỳ trước	-	(85.444.867)
	<u>53.447.983.501</u>	<u>1.642.922.477</u>
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(506.558.608)	82.682.395
TỔNG CỘNG	<u>52.941.424.893</u>	<u>1.725.604.872</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	259.813.440.481	8.005.782.130
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	51.962.688.096	1.601.156.426
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	52.721.379	71.841.775
Điều chỉnh hợp nhất	1.859.822.304	-
Lỗ của công ty con	-	138.051.538
Lỗ chuyển sang các năm sau	(933.806.886)	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN thừa trong những kỳ trước	-	(85.444.867)
Chi phí thuế TNDN	52.941.424.893	1.725.604.872

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty ghi nhận thuế TNDN hoãn lại như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ở công ty con	-	506.558.608	(506.558.608)	82.682.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
TBVP Siêu Thanh	(*)	Bán hàng hóa và dịch vụ	16.024.000	-
Phải thu ngắn hạn khác				
TBVP Siêu Thanh	(*)	Lãi cho vay	801.370	-
Phải thu cho vay ngắn hạn				
TBVP Siêu Thanh	(*)	Cho vay	19.000.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
TBVP Siêu Thanh	(*)	Mua hàng hóa và dịch vụ	26.532.000	-

(*) Công ty con cho đến ngày 29 tháng 6 năm 2022
Bên liên quan (cùng thành viên quản lý chủ chốt) từ ngày 30 tháng 6 năm 2022

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

Cá nhân	Vị trí	Thù lao	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	108.000.000	624.000.000
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch/Phó Tổng Giám đốc	288.000.000	720.000.000
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	258.000.000	616.220.428
Bà Phạm Thị Thu Thủy	Thành viên HĐQT	78.000.000	78.000.000
Ông Phạm Vĩnh Phú	Tổng Giám đốc	210.000.000	283.140.697
Bà Cái Kim Thoa	Trưởng Ban kiểm soát	173.666.809	169.117.465
Ông Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Lê Quang	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
TỔNG CỘNG		1.151.666.809	2.526.478.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	13.752.925.000	16.373.640.000
Từ 1 đến 5 năm	-	18.452.335.000
TỔNG CỘNG	<u>13.752.925.000</u>	<u>34.825.975.000</u>

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

				VND
	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Ô tô</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	137.841.746.555	475.901.679.286	-	613.743.425.841
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.626.220.769)	-	-	(1.626.220.769)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	128.015.720	-	(128.015.720)	-
Doanh thu bộ phận	136.343.541.506	475.901.679.286	(128.015.720)	612.117.205.072
Chi phí bộ phận	(131.229.099.521)	(471.131.396.673)	128.015.720	(602.232.480.474)
Lợi nhuận bộ phận	5.114.441.985	4.770.282.613	-	9.884.724.598
Thu nhập tài chính				7.388.764.968
Lợi nhuận khác				242.539.950.915
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(52.941.424.893)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				206.872.015.588
Tài sản bộ phận	-	115.171.188.935	-	115.171.188.935
Tài sản không phân bổ				514.934.724.785
Tổng tài sản				630.105.913.720
Nợ phải trả bộ phận	-	38.361.401.580	-	38.361.401.580
Nợ phải trả không phân bổ				34.911.275.073
Tổng nợ phải trả				73.272.676.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

				VND
	Thiết bị văn phòng	Ô tô	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	135.101.079.246	275.001.110.464		410.102.189.710
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.658.709.785)	-		(4.658.709.785)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	147.962.342	951.500	(148.913.842)	-
Doanh thu bộ phận	130.590.331.803	275.002.061.964	(148.913.842)	405.443.479.925
Chi phí bộ phận	(124.140.808.205)	(276.484.815.199)	148.913.842	(400.476.709.562)
Lợi nhuận bộ phận	6.449.523.598	(1.482.753.235)	-	4.966.770.363
Thu nhập tài chính				2.189.536.276
Lợi nhuận khác				849.475.491
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(1.725.604.872)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				6.280.177.258
Tài sản bộ phận	457.221.830.715	108.343.364.197	(157.452.533.868)	408.112.661.044
Nợ phải trả bộ phận	40.894.688.520	38.361.401.580	(5.983.413.447)	73.272.676.653

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Căn cứ vào Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ/ST8, Hội đồng Quản trị đã thông qua Quyết định số 46/QĐ-HĐQT/ST8 ngày 7 tháng 7 năm 2022 chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh cho một bên thứ ba với giá chuyển nhượng 36.743.454.500 VND.

Căn cứ vào Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ/ST8, Hội đồng Quản trị đã thông qua Quyết định số 50/QĐ-HĐQT/ST8 ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu nhận 8.500 VND). Vào ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, sự kiện trên vẫn chưa hoàn tất.

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập



Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



Phạm Vĩnh Phú
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Số: 61 /BCTC/ST

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2022

V/v Giải trình biến động kết quả kinh doanh
trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
đã kiểm toán.**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước**
Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**Tổ chức niêm yết:** Công ty Cổ phần Siêu Thanh**Mã chứng khoán:** ST8**Trụ sở chính:** A20 Tân Phong, Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM**Điện thoại:** (028) 6262.6688 **Fax:** (028) 6262.6777

Lợi nhuận sau thuế TNDN 06 tháng đầu năm 2022 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tăng 200,59 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 tương đương tỷ lệ tăng 3.194,05%. Dưới đây là biến động tăng giảm của các chỉ tiêu :

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Tên khoản mục	Năm 2022	Năm 2021	Giá trị (tăng/giảm)	Tỷ lệ (tăng/giảm %)
1	Doanh thu thuần	904,34	405,44	498,9	123,05
2	Giá vốn	574,14	332,63	241,51	72,61
3	Lợi nhuận gộp	330,2	72,82	257,39	353,47
4	Doanh thu tài chính	10,06	2,69	7,37	273,99
5	Chi phí tài chính	2,67	0,50	2,17	434,28
6	Chi phí bán hàng	49,14	41,95	7,19	17,13
6	Chi phí QLDN	30,90	25,90	5,00	19,30
7	Lợi nhuận từ HĐKD	257,56	7,16	250,40	3.499,02
8	Lợi nhuận khác	2,26	0,85	1,41	165,62
9	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	259,81	8,01	251,81	3.145,32
10	Chi phí thuế TNDN	52,94	1,73	51,22	2.967,99
11	Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	206,87	6,28	200,59	3.194,05

- **Lợi nhuận sau thuế** tăng 200,59 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ tăng 3.194,05%. Nguyên nhân chủ yếu là tăng doanh thu tài chính và khoản thu nhập thanh lý tài sản của Công ty từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính tại Công ty con và bất động sản tại Vũng Tàu và 161F Dạ Nam của ST8. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế TNDN của Kim Thanh tăng 6.712 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021, tương đương tỷ lệ tăng 837% nhờ chính sách kích cầu của nhà nước giảm thuế trước bạ từ 100% xuống còn 50% và chương trình chiết khấu thương mại từ Honda VN.
- Phân loại lại khoản mục doanh thu thuần của Công ty và thu nhập khác giữa báo cáo tài chính Quý 2 Công ty đã lập và Báo cáo giữa niên độ của kiểm toán nhưng không làm thay đổi chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	BCTC quý 2 lũy kế	Sau soát xét	Chênh lệch
Doanh thu thuần	612	904,34	292,34
Giá vốn	522,2	574,14	51,94
Lợi nhuận khác	242,54	2,26	-240,28
LN sau thuế TNDN	206,87	206,87	0

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

YUNG CAM MENG

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2022 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn